

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

BẢN TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VỀ ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CHỨNG KHOÁN; LUẬT KẾ TOÁN; LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP; LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC; LUẬT QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG; LUẬT QUẢN LÝ THUẾ; LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA

1. Căn cứ xây dựng Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân: Thực hiện quy định tại Điều 36 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về việc lấy ý kiến đối với đề nghị xây dựng Luật.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân lấy ý kiến:

Ngày 19/8/2024, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 8740/BTC-PC gửi 22 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, 63 UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao; Kiểm toán Nhà nước; một số Hiệp hội, CLB kế toán – kiểm toán, Trường đại học, công ty kiểm toán đề nghị có ý kiến đối với đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Dự trữ quốc gia.

Tính đến hết ngày **26/8/2024**, Bộ Tài chính đã nhận được **04/22** văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ¹, **01** văn bản cơ quan thuộc Chính phủ²; **12/63** văn bản góp ý của địa phương³; 01 ý kiến tham gia của các tổ chức⁴.

Trong đó, các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có ý kiến thống nhất với hồ sơ đề nghị xây dựng Luật do Bộ Tài chính gửi lấy ý kiến gồm: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, UBND tỉnh Gia Lai, UBND tỉnh Trà Vinh, UBND tỉnh Tuyên Quang, UBND tỉnh Cà Mau, UBND tỉnh Cao Bằng, UBND tỉnh Lạng Sơn, UBND TP Cần Thơ, UBND tỉnh Đắk Nông, UBND tỉnh Hậu Giang.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, Bộ Tài chính đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

¹ Các bộ: Ngoại giao, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

² Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam.

³ UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương: Hà Tĩnh, Bình Định, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Cao Bằng, Cà Mau, Tuyên Quang, Trà Vinh, Gia Lai, Cần Thơ, Đắk Nông, Hậu Giang.

⁴ Hiệp hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam.

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
I. DỰ THẢO TỜ TRÌNH ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT				
		Bộ Thông tin và Truyền thông	Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh yêu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp trên nền tảng ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu của khoa học công nghệ, nhất là cuộc cách mạng công nghệ 4.0; tập trung hoàn thiện thể chế chính sách pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia, vùng, địa phương kết nối đồng bộ, thống nhất, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số...đây là một trong cơ sở chính trị, pháp lý được đưa ra tại dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng Luật, tuy nhiên nội hàm để thúc đẩy chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số tại dự án Luật mới chỉ được thể hiện tại chính sách của Luật Quản lý thuế, do đó đề nghị cân nhắc bổ sung, lồng ghép thêm nội dung này và các chính sách tại Luật khác.	Bộ Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu, bổ sung nội dung thuyết minh, làm rõ nội dung của các chính sách tại đề nghị xây dựng Luật, đồng thời đã rà soát toàn bộ các chính sách, đảm bảo các chính sách phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước
II. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT				
Phần II mục 1 về Đánh giá tác động chính sách đối với nội dung sửa đổi, bổ sung Luật		Bộ Ngoại giao	1. Đối với nội dung Chính sách 1 của Luật Chứng khoán về Sửa đổi, bổ sung quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán chứng khoán riêng lẻ, về công ty đại chúng, theo đó có bổ sung thêm quy định <i>nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp gồm nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân nước ngoài:</i> Đề nghị rà soát các cam kết của Việt Nam tại các FTA liên quan đến những nội dung để bảo đảm quy định phù hợp. Ví dụ, tại Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA), Việt Nam đã có những cam kết về hiện diện thương mại đối với nhà cung cấp dịch vụ chứng khoán nước ngoài (Chương 8, phụ lục 8-B). Qua nghiên cứu nội dung chính sách, Bộ	<i>Bộ Tài chính tiếp thu</i> và đã tiếp tục rà soát như ý kiến của Bộ Ngoại giao, bổ sung Danh mục điều ước quốc tế được rà soát để đảm bảo phù hợp theo Mẫu số 01 về Báo cáo đánh giá tác động tại Nghị định 59/2024/NĐ-CP. Cụ thể qua rà soát của cơ quan chủ trì soạn thảo thấy rằng: Chính sách đề xuất chưa tạo ra vấn đề không tương thích với nghĩa vụ cam kết của Việt Nam trong Chương dịch

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Chứng khoán			Ngoại giao nhận thấy, nội dung chính sách chưa tạo ra vấn đề không tương thích đối với cam kết tại EVFTA. Đề nghị Bộ Tài chính tiếp tục rà soát đối với các điều ước quốc tế khác mà Việt Nam là thành viên để bảo đảm tính tương thích.	vụ tài chính, cam kết về thương mại dịch vụ trong Chương đầu tư và các nội dung cam kết có liên quan khác của WTO, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA).
Phần II mục 3 về Đánh giá tác động chính sách đối với nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Kiểm toán độc lập		Bộ Ngoại giao	2. Đối với nội dung Chính sách 2: nâng cao chất lượng dịch vụ kiểm toán độc lập trong điều kiện hiện nay Nội dung chính sách đề xuất sửa đổi bổ sung: Quy định đối với kiểm toán viên không được hành nghề kiểm toán; Quy định đối với doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán; Quy định về số lượng kiểm toán viên hành nghề tại chi nhánh (gồm cả chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam). Qua rà soát sơ bộ cam kết của Việt Nam liên quan đến dịch vụ kế toán, kiểm toán tại WTO, Bộ Ngoại giao nhận thấy nội dung chính sách chưa phát sinh vấn đề không tương thích (tại WTO ta không hạn chế doanh nghiệp nước ngoài hiện diện thương mại tại Việt Nam). Tuy nhiên, đề nghị Bộ Tài chính tiếp tục rà soát các cam kết tương tự các các FTA để bảo đảm tính tương thích.	Tiếp thu ý kiến của Bộ ngoại giao, Bộ Tài chính đã rà soát các quy định sửa đổi bổ sung tại dự thảo để đảm bảo tương thích với các cam kết quốc tế.
Phần II mục 4 về Đánh giá tác động chính sách đối		Bộ Thông tin và Truyền thông	Đề nghị rà soát chính sách này để đảm bảo phù hợp với chính sách, quy định tại dự án Luật sửa đổi Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư...mà Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đang chủ trì sửa đổi để đảm bảo tính khả thi và đồng bộ của văn bản.	Hiện nay, theo chỉ đạo của Chính phủ việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật NSNN và Luật Đầu tư công được thực hiện đồng thời; do vậy, trong quá trình hoàn thiện, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục rà soát nội dung đề xuất chính sách để đảm

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
với nội dung sửa đổi, bổ sung Luật NSNN				bảo phù hợp với chính sách đề xuất tại dự thảo Luật sửa đổi Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư mà Bộ KH&ĐT.
Phần II mục 5 về Đánh giá tác động chính sách đối với nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý sử dụng tài sản công		Bộ Kế hoạch và Đầu tư	1. Đề nghị bổ sung chính sách cho phép chuyển giao tài sản công là một số công trình kết cấu hạ tầng, công trình công cộng của Nhà nước cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quản lý, sử dụng để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 2, 3 Điều 26 Luật Hợp tác xã và tinh thần của Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới	Giải trình: Tại Điều 87 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đã quy định về “hình thức khác theo quy định của pháp luật”. Vì vậy, việc chuyển giao công trình kết cấu hạ tầng cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thực hiện theo quy định của pháp luật về Hợp tác xã; không có sự mâu thuẫn, chồng chéo với Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Tại khoản 5 Điều 26 Luật Hợp tác xã giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này. Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang được giao chủ trì xây dựng Nghị định quy định chi tiết Luật Hợp tác xã (trong đó có nội dung quy định chi tiết Điều 26 Luật Hợp tác xã); vì vậy, đề nghị Chính phủ chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu để bổ sung quy định hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao công trình kết cấu hạ

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				tăng cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiện hợp tác xã cho phù hợp với Luật Hợp tác xã và yêu cầu thực tế.
			2. Bổ sung chính sách quy định đối với việc quản lý, sử dụng tài sản biếu tặng từ các tổ chức, cá nhân cho các cơ quan nhà nước.	Giải trình: Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đã quy định về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân biếu, tặng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị của nhà nước và giao Chính phủ quy định chi tiết. Các quy định cụ thể về việc sử dụng tài sản do các tổ chức, cá nhân biếu, tặng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước đã được quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ.
Phần II mục 6 về Đánh giá tác động chính sách đối với nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý		Bộ Kế hoạch và Đầu tư	1. Đối với Chính sách 08: Hoàn thiện quy định liên quan đến nguyên tắc quản lý thuế: Đề nghị cân nhắc, làm rõ tính phù hợp của nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 5 Luật Quản lý thuế quy định giải trừ trách nhiệm công chức thuế khi đã làm đúng, đầy đủ quy định trong phạm vi hồ sơ của NNT và văn bản, tài liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền với các quy định của pháp luật hiện hành.	Giải trình: Pháp luật về quản lý thuế chưa quy định rõ trách nhiệm của công chức thuế trong quản lý thuế làm ảnh hưởng đến tâm lý của công chức thuế khi thực thi nhiệm vụ, đặc biệt trong lĩnh vực hoàn thuế. Theo quy định của Luật Quản lý thuế thì NNT phải có trách nhiệm tự tính, tự kê khai, tự nộp thuế và chịu trách nhiệm về việc kê khai, nộp thuế của mình theo quy định của pháp luật. Cơ quan thuế sẽ thực

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
thuế				hiện hậu kiểm theo nguyên tắc quản lý rủi ro. Mặc dù hiện nay đã áp dụng hóa đơn điện tử trên toàn quốc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng nhiều vụ việc mua bán hóa đơn với số tiền thuế lớn vẫn bị cơ quan công an phát hiện trong thời gian qua, do đó, việc triển khai hóa đơn điện tử không thể ngăn chặn được việc gian lận, mua bán hóa đơn của doanh nghiệp vì hoạt động mua bán, xuất nhập khẩu có thật hay không cơ quan thuế không thể xác định được nếu chưa kiểm tra, xác minh mặc dù doanh nghiệp đã gửi hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế. cán bộ thuế không thể kiểm soát hết được dữ liệu; hệ thống tự động không thể kiểm soát được hết bản chất giao dịch thực tế; gian lận về thuế. Cơ quan thuế chưa có chức năng điều tra nên việc xác minh về hoạt động mua bán của NNT mất rất nhiều thời gian và cần sự phối hợp của nhiều cơ quan, đơn vị như ngân hàng thương mại, đơn vị vận chuyển và các cơ quan quản lý nhà nước như công an, hải quan,...Do

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				đó, việc giải quyết hồ sơ hoàn thuế trước kiểm tra sau phải có quy định cụ thể trách nhiệm của cơ quan thuế, cán bộ thuế chỉ chịu trách nhiệm theo các thông tin trên hồ sơ DN và cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp liên quan đến giải quyết hồ sơ hoàn, không phải chịu trách nhiệm khi DN gian lận trong việc kê khai và cung cấp thông tin không trung thực, không chính xác dẫn đến giải quyết hoàn thuế cho DN không đúng quy định. Do đó, để bao quát các trường hợp cơ quan thuế phải giải quyết cho NNT và đồng bộ với Luật thuế GTGT đang được sửa đổi, cần thiết phải bổ sung quy định trách nhiệm của công chức thuế trong việc giải quyết hồ sơ hoàn thuế nói riêng và giải quyết thủ tục hành chính cho NNT nói chung. Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 Luật Quản lý thuế như sau: “2. Cơ quan quản lý thuế, các cơ quan khác của Nhà nước được giao nhiệm vụ quản lý thu thực hiện việc quản lý thuế theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan, bảo đảm công khai,

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				minh bạch, bình đẳng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người nộp thuế”. Công chức thuế chịu trách nhiệm giải quyết hồ sơ thuế theo đúng chức trách, nhiệm vụ, tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật có liên quan trong phạm vi hồ sơ, tài liệu của người nộp thuế cung cấp, văn bản thông tin của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp có liên quan đến giải quyết hồ sơ thuế của người nộp thuế.”.
		Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2. Đối với Chính sách 10: Hoàn thiện quy định liên quan đến hiện đại hóa công tác quản lý thuế: Đề nghị cân nhắc đối với nội dung đề xuất bổ sung khoản 4, Điều 11 Luật Quản lý thuế quy định về <i>mua sắm trang bị phương tiện cho công chức thuế và các nội dung chi hoạt động, chuyên môn, nghiệp vụ</i> (đào tạo, tuyên truyền hỗ trợ, hiện đại hóa công nghệ thông tin...) nhằm phục vụ nhiệm vụ thu NSNN, nâng cao hiệu quả, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa công tác quản lý thuế. <i>Dự toán chi được tính trên cơ sở số phần trăm trên dự toán thu Ngân sách Nhà nước được Quốc hội giao hằng năm. Chính phủ quy định, hướng dẫn chi tiết nội dung này.</i> Nội dung đề xuất liên quan đến công tác quản lý tài chính, ngân sách, do đó đề nghị cân nhắc không	Giải trình: Tại khoản 1 Điều 11 Luật Quản lý thuế hiện hành quy định “Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, Nhà nước bảo đảm các nguồn lực tài chính để thực hiện nội dung quy định tại khoản này” nhưng chưa cụ thể sử dụng nguồn lực nào chủ yếu chi cho công tác hiện đại hóa và cấp có thẩm quyền nào quy định, hướng dẫn để thực hiện trong từng thời kỳ. Trên cơ sở nghiên cứu Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 ngày

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			quy định tại luật này.	29/6/2024, Điều 120, khoản 2 có quy định “Mức chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội được tính trên cơ sở số phần trăm của dự toán thu, chi bảo hiểm xã hội...”; đồng thời tại một số Luật hiện hành (Khoản 1 Điều 49 Luật Khoa học và công nghệ (số 13/VBHN-VPQH 08/7/2022); Khoản 1 Điều 96 Luật Giáo dục (số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019)) có quy định về kinh phí đảm bảo hoạt động. Do đó, việc quy định nội dung nguồn lực NSNN cho hiện đại hóa công tác quản lý thuế và cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử nhằm thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; các giải pháp trọng tâm tại Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 của Chính phủ trong đó quyết liệt triển khai chuyển đổi số, quy định về hóa đơn điện tử, nhất là đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong thu, chi ngân sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thu, chi ngân sách nhà nước; bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời. Đây là quy định để

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				bảo đảm nguồn lực tài chính hỗ trợ công cụ thu NSNN, thực hiện hiện đại hóa ngành Thuế, ngành Hải quan để phục vụ tốt nhất cho việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ để thực hiện nhiệm vụ, nguồn thu NSNN hằng năm được Quốc hội giao. Bộ Tài chính đề xuất bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Quản lý thuế “trong đó nguồn lực bố trí từ Ngân sách Nhà nước để thực hiện các nội dung hiện đại hóa (hệ thống công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hóa đơn điện tử, cơ sở vật chất, các nhiệm vụ chuyên môn phục vụ công tác quản lý thuế) không quá 01% trên dự toán thu Ngân sách Nhà nước được Quốc hội giao hằng năm. Chính phủ quy định chi tiết khoản này”. Đây không phải là cơ chế tài chính đặc thù mới mà đây là quy định để bảo đảm nguồn lực cho thực hiện hiện đại hóa ngành Thuế, ngành Hải quan phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				từng thời kỳ để thực hiện nhiệm vụ, nguồn thu NSNN hằng năm được Quốc hội giao. Việc lập dự toán, phân bổ, chấp hành, quyết toán hằng năm, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan bảo đảm theo đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công,... nên không chồng chéo với các Luật hiện hành. Đồng thời, việc xây dựng dự toán hằng năm cho hiện đại hóa phải phù hợp với nhu cầu thực tế, khả năng thực hiện và giải ngân để bảo đảm không được vượt quá mức đã quy định; không để tình trạng chuyển nguồn không đúng quy định, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Việc chi hiện đại hóa công tác quản lý thuế nhằm mục đích chủ yếu là để phục vụ người người dân, doanh nghiệp, các tổ chức có liên quan được nhanh chóng, thuận lợi, thân thiện, an toàn, bảo mật, tránh tác động chủ quan từ công chức thuế, hải quan... được thực hiện trên cơ sở trang thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ mới được liên tục cập nhật (việc hiện đại hóa không phải

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				chỉ đề cho nội bộ ngành thuế, hải quan thụ hưởng). Đồng thời, công tác tuyên truyền hỗ trợ NNT, đào tạo bồi dưỡng công chức chuyên nghiệp để đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Việc chi hiện đại hóa công tác quản lý thuế góp phần đảm bảo thực hiện thu NSNN theo dự toán thu NSNN được Quốc hội giao, bảo đảm thực hiện chính sách tài khóa, ổn định kinh tế vĩ mô theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.
		Bộ Kế hoạch và Đầu tư	3. Đối với Chính sách 11: Hoàn thiện quy định liên quan đến các nội dung quản lý thuế và sử dụng cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử Bộ Tài chính đề xuất bổ sung thêm nội dung “hướng dẫn mọi tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật” để làm cơ sở cho việc thực hiện các biện pháp khuyến khích người tiêu dùng lấy hóa đơn <i>(trong đó có chương trình hoá đơn may mắn đã và đang được ngành thuế triển khai)</i> là thuộc nội dung quản lý thuế. Theo thuyết minh của Bộ Tài chính, Chương trình “Hóa đơn may mắn” đã được triển khai trên toàn quốc từ Quý II năm 2022 theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế. <i>Nguồn kinh phí trả thưởng “Hóa đơn may mắn” được xác định là khoản chi nghiệp vụ đặc thù</i> về kiểm soát nhằm ngăn chặn các	Giải trình: Nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thu và chống thất thu thuế thông qua việc thay đổi thói quen của người tiêu dùng lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ, hướng tới bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, Tổng cục Thuế đã báo cáo Bộ Tài chính cho phép triển khai chương trình “Hóa đơn may mắn” (thí điểm) trên toàn quốc từ Quý II năm 2022, qua đó việc tạo thói quen lấy hóa đơn từng bước được lan tỏa và đã có hiệu

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			hành vi trốn lậu thuế, vi phạm pháp luật và đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ thuế, do đó, khoản chi này đang <i>được sử dụng từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước ngoài định mức theo quy định tại điểm 2.2 Điều 2 Quyết định 919/QĐ-TCT ngày 13/6/2022 của Tổng cục Thuế.</i> Tuy nhiên, việc kiểm soát theo hình thức gián tiếp thông qua người tiêu dùng để đáp ứng yêu cầu quản lý thuế chưa được quy định cụ thể trong nội dung chi về nghiệp vụ đặc thù của ngành thuế. <i>Do đó cần phải bổ sung thêm căn cứ pháp lý về nội dung chi này để củng cố căn cứ pháp lý cho việc xây dựng dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước của ngành thuế hàng năm.</i> Đề nghị rà soát thêm đối với nội dung đề xuất, những nội dung liên quan đến chi ngân sách phục vụ công tác quản lý thuế, đề nghị thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.	quả nhất định. Căn cứ Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô; Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Theo đó, công tác quản lý được hiện đại hóa sẽ cần bổ sung các nội dung “đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số, quy định về hóa đơn điện tử, sử dụng cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử để tổ chức các biện pháp quản lý việc thực hiện nghĩa vụ về hóa đơn, chứng từ” để củng cố căn cứ pháp lý cho việc sử dụng cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử, từ đó góp phần làm thay đổi thói quen của người tiêu dùng, hướng tới bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch. Bộ Tài chính đề xuất bổ sung nội dung này quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Quản lý thuế về hiện đại hóa công tác quản lý thuế: “đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số, quy định về hóa đơn điện tử, sử dụng cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử để tổ chức các biện pháp quản lý việc

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				thực hiện nghĩa vụ về hóa đơn, chứng từ”.
III. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT LUẬT				
Điều 1 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán		Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đề nghị nghiên cứu sửa đổi Điều 135 Luật Chứng khoán, lý do: Theo quy định tại khoản 2 Điều 135 Luật Chứng khoán, Điều 98 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/1/2021 của CP về đăng ký doanh nghiệp quy định: “Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép thành lập và hoạt động trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 mà đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 135 Luật Chứng khoán thì thực hiện đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở của công ty, chi nhánh. Hồ sơ bao gồm văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh; bản sao giấy phép thành lập và hoạt động và bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế”. Căn cứ quy định trên, việc đăng ký của các công ty chứng khoán thực hiện trong 2 năm kể từ ngày 01/01/2021 (đã kết thúc ngày 01/01/2023). Tuy nhiên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư vẫn nhận được văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (tháng 6/2024) đề nghị đăng ký đối với 4 công ty chứng khoán. Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận thấy, việc đăng ký doanh nghiệp cho các công ty chứng khoán tại thời điểm này là không có cơ sở pháp lý, do đó, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, sửa đổi Điều	Giải trình: Xét về mục tiêu sửa đổi Luật lần này thì cơ quan chủ trì soạn thảo thấy rằng việc sửa đổi nội dung này tại Luật chưa thật sự cấp thiết. Đề xuất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư chỉ nhằm phân định rõ việc áp dụng theo Luật Doanh nghiệp hay Luật Chứng khoán. Ngoài ra, tại khoản 7 Điều 135 Luật Chứng khoán hiện hành cũng đã giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này; do đó Bộ Tài chính sẽ phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để rà soát khi sửa đổi Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Chứng khoán, để đảm bảo rõ ràng khi thực thi, tránh hiểu lầm trong áp dụng pháp luật.

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			135 Luật Chứng khoán.	
Điều 2 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán		Bộ Ngoại giao	Về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 50, đề nghị cân nhắc như sau: <i>“Tổ chức bộ máy kế toán, bố trí hoặc trình cấp có thẩm quyền bố trí người làm kế toán, kế toán trưởng hoặc thuê dịch vụ kế toán theo đúng quy định của Luật này. Không bố trí kế toán trưởng tại đơn vị chỉ có 1 người làm kế toán mà bố trí phụ trách kế toán. Phụ trách kế toán thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm như kế toán trưởng. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành”.</i>	Giải trình: Khoản 4 Điều 53 Luật Kế toán đã quy định: Trường hợp đơn vị kế toán cử người phụ trách kế toán thay kế toán trưởng thì người phụ trách kế toán phải có các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 54 của Luật này và phải thực hiện trách nhiệm và quyền quy định cho kế toán trưởng quy định tại Điều 55 của Luật này. Theo đó, phụ trách kế toán là người thay kế toán trưởng nên sẽ thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm như kế toán trưởng. Ngoài ra, các quy định về bố trí phụ trách kế toán và quyền nghĩa vụ của phụ trách kế toán đã được quy định tại Nghị định số 174/2016/NĐ-CP. Bộ Tài chính thấy rằng nội dung này chưa thực sự cấp bách, cần thiết như định hướng của Ban chỉ đạo nên chưa đề xuất sửa đổi ngay tại luật này.
Điều 4 về sửa đổi, bổ		Bộ Kế hoạch và Đầu tư	1. Nghiên cứu, bổ sung quy định tại khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước theo hướng mở rộng phạm vi cho phép ngân sách địa phương này được chi cho các địa phương khác, cho các	Tiếp thu: Bộ Tài chính tiếp thu và sửa lại nội dung đề xuất chính sách này, bổ

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
sung một số điều của Luật NSNN			bộ, cơ quan đóng trên địa bàn đề thực hiện một số nhiệm vụ, dự án quan trọng, cấp bách thay vì bó hẹp phạm vi, đối tượng như đề xuất của Bộ Tài chính; bổ sung quy định ngân sách địa phương được chi hỗ trợ các địa phương trực thuộc các quốc gia khác có mối quan hệ đối ngoại đặc biệt (như Lào, Campuchia, Cuba...).	sung điểm d khoản 9 Điều 9 Luật NSNN như sau “d) Sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương để thực hiện đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng của ngân sách cấp trên trực tiếp trên địa bàn; hỗ trợ địa phương khác để thực hiện đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng có tính chất Vùng và liên Vùng. Giao Chính phủ quy định cụ thể.” Mục tiêu đề xuất chính sách này để cho phép NSDP (cả 03 cấp ngân sách tỉnh, huyện, xã) được sử dụng chi ĐTPT của mình thực hiện hoặc tham gia thực hiện đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng của ngân sách cấp trên trực tiếp trên địa bàn; hỗ trợ địa phương khác thực hiện hoặc tham gia thực hiện đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng có tính chất Vùng và liên Vùng. Chưa mở rộng việc sử dụng NSDP để hỗ trợ các địa phương khác cho các nhiệm vụ chi khác.
		Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2. Sửa đổi quy định về thời gian điều chỉnh dự toán tại khoản 3 Điều 53 Luật Ngân sách nhà nước theo hướng cho phép điều chỉnh vốn cho các dự án sau ngày 15/11 năm kế hoạch để thúc đẩy tiến độ giải ngân, đặc biệt là với dự án có khả năng giải	Giải trình: Bộ Tài chính sẽ tiếp tục nghiên cứu, đánh giá tác động để đề xuất sửa đổi tổng thể Luật NSNN sau

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			ngân tốt.	khi có kết luận của Bộ Chính trị về Đề án đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ NSNN để đảm bảo vai trò chủ đạo của NSTW và chủ động của NSDP, các cơ quan, đơn vị liên quan.
		Bộ Kế hoạch và Đầu tư	3. Sửa đổi quy định về phân cấp điều chỉnh dự toán hằng năm cho Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp trong Luật Ngân sách nhà nước để đồng bộ với chủ trương phân cấp của Luật Đầu tư công (sửa đổi), ví dụ như phân cấp từ Quốc hội xuống Ủy ban Thường vụ Quốc hội, từ Ủy ban Thường vụ Quốc hội xuống Chính phủ, Hội đồng nhân dân xuống Ủy ban nhân dân các cấp...	Giải trình: Bộ Tài chính sẽ tiếp tục nghiên cứu, đánh giá tác động để đề xuất sửa đổi tổng thể Luật NSNN sau khi có kết luận của Bộ Chính trị về Đề án đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ NSNN để đảm bảo vai trò chủ đạo của NSTW và chủ động của NSDP, các cơ quan, đơn vị liên quan.
		Bộ Kế hoạch và Đầu tư	4. Sửa đổi Luật Ngân sách nhà nước để quy định thời gian phù hợp trình Quốc hội thông qua kế hoạch tài chính 05 năm làm căn cứ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn. Theo quy định tại Điều 17 Luật Ngân sách nhà nước thì kỳ họp thứ nhất Quốc hội mới thông qua kế hoạch tài chính 05 năm, trong khi đó Luật Đầu tư công quy định trình Quốc hội khóa trước tại kỳ họp cuối năm của năm thứ năm kế hoạch trung hạn giai đoạn sau trên cơ sở kế hoạch tài chính 05 năm . Với quy định hiện tại của Luật Ngân sách nhà nước thì không có căn cứ để xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn.	Giải trình: Luật NSNN hiện hành chưa quy định thời gian trình Quốc hội kế hoạch tài chính 05 năm; tuy nhiên, Nghị quyết 974/2020/UBTVQH14 ngày 13/7/2020 của UBTVQH đã quy định cụ thể thời gian trình Quốc hội về nội dung này. Mặt khác, kế hoạch tài chính 05 năm phải phù hợp với kế hoạch phát triển KT-XH, nên sau khi có kế hoạch phát triển KT-XH 05 năm sẽ thực hiện xây

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				dựng kế hoạch tài chính 05 năm làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn.
		Bộ Kế hoạch và Đầu tư	5. Nghiên cứu mở rộng phạm vi sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi.	Tiếp thu: Bộ Tài chính đã tiếp thu, sửa đổi bổ sung nội dung tại khoản 10, khoản 10a Điều 8 và sửa đổi điểm đ khoản 2 Điều 59 Luật NSNN
Điều 5 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công		Bộ Ngoại giao	Trên thực tế hiện nay, có một số dự án đầu tư công do nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến dở dang, không thể quyết toán dự án hoàn thành. Để tháo gỡ khó khăn đối với các dự án đầu tư xây dựng trong tình trạng nêu trên, Bộ Ngoại giao xin kiến nghị bổ sung quy định đối với trường hợp dự án sử dụng vốn nhà nước dở dang, dừng thực hiện vĩnh viễn tại Điều 104 như sau: <i>“1. Sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng, mua sắm, ban quản lý dự án có trách nhiệm ban giao tài sản cho đối tượng thụ hưởng được xác định trong dự án để đưa vào khai thác, sử dụng.</i> <u>Trường hợp dự án dừng vĩnh viễn theo quyết định của cấp có thẩm quyền</u> hoặc không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng tài sản, việc xử lý tài sản sau khi dự án kết thúc được thực hiện theo các hình thức sau đây: <i>b) Điều chuyển;”.</i>	Giải trình: Về nguyên tắc, dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt phải được hoàn thành để bảo đảm mục tiêu khi phê duyệt dự án. Việc dừng dự án không phải là trường hợp phổ quát; đồng thời, khi dừng dự án đầu tư xây dựng (dự án dở dang) thì chưa hình thành nên tài sản; vì vậy, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Trong trường hợp này, việc xử lý các vấn đề liên quan đến việc dừng thực hiện dự án phải được thực hiện theo các quy định của pháp luật khác có liên quan.
		UBND tỉnh Bình Định	Đề nghị xem xét, bổ sung thêm nội dung “Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định về các hình thức xử lý tài sản công sau thu hồi”, cụ thể bổ sung hình thức xử lý tài sản công sau thu hồi là “Giao tài sản	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			công cho Tổ chức phát triển quỹ đất phát triển, quản lý, khai thác”. Lý do: Để phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 113 Luật Đất đai năm 2024: “Điều 113. Đất do tổ chức phát triển quỹ đất phát triển, quản lý, khai thác: d) Đất chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý, thu hồi do sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công”.	
		UBND tỉnh Hà Tĩnh	1. Đề nghị xem xét sửa đổi có căn ban hành Quyết định mua sắm; vì theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 Luật Đấu thầu 2023 thì căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự toán mua sắm không có quy định phải có quyết định mua sắm (quy định chi tiết tại Khoản 4 Điều 13 của Luật quản lý sử dụng tài sản công 2017).	Giải trình: Nội dung này thuộc phạm vi Chính phủ quy định chi tiết; không phải sửa đổi Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 151/2017/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã bổ sung nội dung quy định không phải ban hành Quyết định mua sắm để thống nhất với quy định của pháp luật về đấu thầu.
		UBND tỉnh Hà Tĩnh	2. Tại Khoản 1, Điều 70 Luật quản lý tài sản công quy định: “1. Tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội tự bảo đảm tài sản để phục vụ hoạt động”. Hiện nay: Để phù hợp với tình hình thực tiễn, các hội có tính chất đặc thù như hội người mù, hội nạn nhân chất độc da cam, hội chữ thập đỏ, liên minh hợp tác xã...nếu không được hỗ trợ cơ sở vật chất thì khó có khả năng tự đảm bảo được điều kiện để hoạt động. Đề nghị Bộ Tài chính xem xét, tham mưu Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi như sau: “1. Tổ chức xã hội, tổ chức xã hội	Giải trình: Việc hỗ trợ đối với các tổ chức hội đặc thù có thể hỗ trợ bằng cơ sở vật chất, có thể hỗ trợ bằng tiền. Đối với các hội đặc thù chưa được Nhà nước giao tài sản hoặc hỗ trợ NSNN để đầu tư, mua sắm, trường hợp cần hỗ trợ để có cơ sở vật chất thì có thể thực hiện thông qua việc hỗ trợ kinh phí để thuê hoặc hỗ trợ thông qua chính sách ưu đãi khi

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			- nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội tự bảo đảm tài sản để phục vụ hoạt động trừ các hội quần chúng thuộc danh sách hội có tính chất đặc thù do Thủ tướng Chính phủ ban hành (đối với hội hoạt động trong phạm vi cả nước) hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành (đối với các hội hoạt động trong phạm vi địa phương) được nhà nước hỗ trợ bố trí các cơ sở vật chất để phục vụ nhiệm vụ chính trị được giao”.	cho thuê nhà chuyên dùng thuộc sở hữu Nhà nước. Do vậy, kiến nghị giữ như quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

IV. DỰ THẢO BÁO CÁO TỔNG KẾT THI HÀNH PHÁP LUẬT

Phần D về tổng kết thi hành Luật NSNN	Phần II mục 1 về Một số tồn tại, hạn chế	Bộ Ngoại giao	1. Về việc chi viện trợ nước ngoài (bao gồm quà tặng của Lãnh đạo cấp cao cho các nước), cứu trợ nhân đạo trong các tình huống khẩn cấp: Hiện nay, chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết về việc xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ khẩn cấp cho các nước. Các năm gần đây, trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp, để đáp ứng các yêu cầu đối ngoại, ta đã có nhiều khoản kinh phí hỗ trợ các nước phát sinh. Bộ Tài chính đã bố trí bảo đảm nguồn hỗ trợ theo kiến nghị của Bộ Ngoại giao. Tuy nhiên, năm 2023, một số khoản kinh phí Bộ Ngoại giao đề xuất, Bộ Tài chính đề nghị Bộ Ngoại giao trao đổi với Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam rà soát, cân nhắc ưu tiên sử dụng nguồn kinh phí của Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính đã trao đổi với Bộ Ngoại giao về việc xây dựng dự toán kinh phí nêu trên. Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật NSNN về yêu cầu lập dự toán NSNN hàng năm: “c. Dự toán chi thường xuyên được lập trên cơ sở nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức cho do cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Giải trình: Bộ Tài chính sẽ tiếp tục nghiên cứu, đánh giá tác động để đề xuất sửa đổi tổng thể Luật NSNN sau khi có kết luận của Bộ Chính trị về Đề án đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ NSNN để đảm bảo vai trò chủ đạo của NSTW và chủ động của NSDP, các cơ quan, đơn vị liên quan.
---------------------------------------	--	---------------	---	--

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<i>quy định... ”. Trong khi đó, các khoản kinh phí trên nhằm hỗ trợ các nước khắc phục hậu quả của những thảm họa thiên nhiên, chiến tranh... phát sinh vì lý do khách quan, không thể dự báo trước, do vậy, Bộ Ngoại giao không có đủ căn cứ để dự toán kinh phí thực hiện theo quy định.</i> Mặt khác Bộ Ngoại giao cũng đang gặp vướng mắc trong trường hợp tỷ giá tăng so với tỷ giá tại Quyết định giao dự toán và không có nguồn kinh phí để bù phần chênh lệch tỷ giá Do vậy, đối với kinh phí viện trợ khẩn cấp, hỗ trợ nhân đạo...: Bộ Ngoại giao kiến nghị Bộ Tài chính báo cáo cấp có thẩm quyền: (i) phương án 1: bổ sung quy định tại Luật NSNN hoặc ban hành văn bản hướng dẫn việc xây dựng dự toán đối với các khoản chi viện trợ cho nước ngoài và xử lý chênh lệch tỷ giá để Bộ Ngoại giao được bảo đảm kinh phí thực hiện hoặc; (ii) phương án 2: sửa đổi Luật NSNN theo hướng xây dựng dự toán trên cơ sở thực tế triển khai 3 năm liền kề, cấp trước một khoản kinh phí ngay từ đầu năm ngân sách để Bộ Ngoại giao chủ động thực hiện chi viện trợ nước ngoài, hỗ trợ nhân đạo các nước sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương. Trong trường hợp trong năm phát sinh kinh phí lớn hơn số kinh phí đã được cấp trước, NSNN cấp bổ sung kinh phí để Bộ Ngoại giao thực hiện nhiệm vụ.	
		Bộ Ngoại giao	2. Về thời hạn gửi dự toán của các bộ, ngành: Theo quy định tại K2 Đ42 Luật NSNN: “<i>Dự toán ngân sách của đơn vị dự toán ngân sách các cấp được lập phải thể hiện đầy đủ các khoản thu, chi theo đúng biểu mẫu, thời hạn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định</i>”. Tuy nhiên, trên thực tế các văn bản hướng dẫn thực hiện	Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn Luật đã quy định cụ thể thời gian lập dự toán NSNN. Trong thời gian vừa qua việc hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN có chậm so với quy định, dẫn đến khó khăn cho

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			thường ban hành muộn hơn so với quy định. Việc các văn bản hướng dẫn thực hiện xây dựng dự toán ban hành muộn so với quy định dẫn đến 02 trường hợp: + Nếu bảo đảm gửi đúng thời hạn sẽ không bảo đảm đầy đủ các nội dung theo các văn bản hướng dẫn. + Nếu chờ các văn bản hướng dẫn sẽ không bảo đảm thời hạn gửi dự toán của các bộ, ngành. Trên cơ sở đó, xin kiến nghị điều chỉnh quy định về thời hạn gửi dự toán của các bộ, ngành theo hướng: chậm nhất sau X ngày kể từ ngày nhận được văn bản hướng dẫn xây dựng dự toán của cấp có thẩm quyền đề bảo đảm xây dựng dự toán đầy đủ nội dung theo hướng dẫn cũng như về mặt thời hạn.	các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán; do vậy, Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu sửa đổi Luật NSNN theo hướng mở rộng thời gian xây dựng dự toán NSNN.
		Bộ Ngoại giao	3. Về phân bổ dự toán NS: Khoản 2 Điều 49 quy định: “Cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện kiểm tra dự toán đơn vị dự toán cấp I đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách. Trường hợp phát hiện việc phân bổ không đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách đã được giao; không đúng chính sách, chế độ quy định thì yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo phân bổ của đơn vị dự toán ngân sách”. Hiện nay, các quy định về việc lập dự toán ngân sách, thảo luận, kiểm tra, thẩm tra dự toán NSNN của các cơ quan có thẩm quyền đã được quy định đầy đủ, chặt chẽ. Do vậy, để đẩy mạnh phân cấp, phân quyền phù hợp như Nghị quyết 101/2023/QH15 đã giao, đề nghị đơn vị chủ trì điều chỉnh, bổ sung quy định theo hướng phân cấp cho các bộ, ngành tự quyết định việc phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách (không cần qua cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện việc kiểm tra).	Bộ Tài chính sẽ tiếp tục nghiên cứu, đánh giá tác động để đề xuất sửa đổi tổng thể Luật NSNN sau khi có kết luận của Bộ Chính trị về Đề án đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ NSNN để đảm bảo vai trò chủ đạo của NSTW và chủ động của NSDP, các cơ quan, đơn vị liên quan.

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		UBND tỉnh Bắc Kạn	1. Điểm c khoản 9 Điều 9 Luật NSNN: Hiện nay chưa có quy định cụ thể về việc hỗ trợ cho các đơn vị cấp trên đóng trên địa bàn (thường phát sinh trong năm) làm mất tính chủ động và thiếu căn cứ hỗ trợ trong điều hành ngân sách địa phương. Kiến nghị: Bổ sung quy định cụ thể về việc hỗ trợ các đơn vị cấp trên đóng trên địa bàn.	Giải trình: Bộ Tài chính sẽ tiếp tục nghiên cứu, đánh giá tác động để đề xuất sửa đổi tổng thể Luật NSNN sau khi có kết luận của Bộ Chính trị về Đề án đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ NSNN để đảm bảo vai trò chủ đạo của NSTW và chủ động của NSDP, các cơ quan, đơn vị liên quan.
		UBND tỉnh Bắc Kạn	2. Điểm a, b khoản 3 Điều 36 và điểm c khoản 2 Điều 38 Luật NSNN: Quy định phân cấp nhiệm vụ chi giữa NSTW và NSDP trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh còn chồng chéo, chưa cụ thể và phân định rõ ràng dẫn đến việc bố trí kinh phí không đủ và chưa hợp lý. Hằng năm, địa phương phải cân đối bổ sung nguồn lực tăng thêm so với dự toán trung ương giao để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ, gây khó khăn trong điều hành ngân sách địa phương. Kiến nghị: Bổ sung quy định cụ thể về phân cấp nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương trong lĩnh vực quốc phòng – an ninh.	Giải trình: Bộ Tài chính sẽ tiếp tục nghiên cứu, đánh giá tác động để đề xuất sửa đổi tổng thể Luật NSNN sau khi có kết luận của Bộ Chính trị về Đề án đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ NSNN để đảm bảo vai trò chủ đạo của NSTW và chủ động của NSDP, các cơ quan, đơn vị liên quan.
		UBND tỉnh Bắc Kạn	3. Điểm b khoản 2 Điều 50 Luật NSNN: Luật NSNN chưa quy định đầy đủ về thẩm quyền của UBND cấp dưới trong việc phân bổ và giao dự toán bổ sung từ đơn vị dự toán cấp trên. Đối với một số nguồn vốn địa phương được NSTW bổ sung trong năm như nguồn vốn đầu tư thực hiện các Chương trình MTQG hoặc nguồn dự phòng ngân sách trung ương để thực hiện các công trình, dự án khắc phục	Giải trình: Bộ Tài chính sẽ tiếp tục nghiên cứu, đánh giá tác động để đề xuất sửa đổi tổng thể Luật NSNN sau khi có kết luận của Bộ Chính trị về Đề án đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ NSNN để đảm bảo

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			hậu quả thiên tai hiện nay địa phương đang gặp vướng mắc, lúng túng giữa quy định về thời hạn phân bổ, giao dự toán theo quy định của Luật NSNN và quy định về điều kiện và trình tự bố trí kế hoạch vốn đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công. Do đó việc đảm bảo thời hạn phân bổ và giao dự toán bổ sung từ ngân sách cấp trên (10 ngày làm việc theo quy định của Luật NSNN) là chưa thực sự phù hợp và khó khăn cho địa phương trong việc tổ chức thực hiện. Kiến nghị: Điều chỉnh (tăng) thời gian phân bổ và giao dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	bảo vai trò chủ đạo của NSTW và chủ động của NSDP, các cơ quan, đơn vị liên quan.
		UBND tỉnh Bắc Kạn	4. Điểm c khoản 6 Điều 7 Luật NSNN: Tỉnh Bắc Kạn là tỉnh miền núi khó khăn, nguồn thu thấp, chi ngân sách chủ yếu từ nguồn cân đối từ ngân sách trung ương, nên theo quy định tại điểm c, khoản 6, Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 thì hạn mức vay của Tỉnh không quá 20% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp, do đó Tỉnh rất khó khăn trong việc tiếp cận và huy động nguồn vốn ODA. Kiến nghị: Đề nghị điều chỉnh theo hướng tăng hạn mức dư nợ từ 20% lên 50% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp đối với các địa phương có số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp thấp như tỉnh Bắc Kạn nhằm tạo đà phát triển cho địa phương.	Giải trình: Theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 Luật NSNN mức dư nợ vay của NSDP, có phân biệt theo nhóm các địa phương có điều kiện về ngân sách khác nhau nhằm đảm bảo khả năng trả nợ của địa phương, kiểm soát mức an toàn nợ công trong giới hạn được Quốc hội cho phép. Căn cứ Nghị quyết của Bộ Chính trị, Quốc hội ban hành các Nghị quyết thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển các thành phố: Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ và các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên - Huế, Khánh Hòa, Đắk Lắk đã cho phép các địa phương này được tăng hạn mức vay nợ cao hơn quy định của Luật NSNN. Mặt khác, cơ bản

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				63 địa phương hiện vẫn chưa sử dụng hết mức dư nợ tối đa theo quy định của Luật NSNN và các cơ chế đặc thù theo Nghị quyết của Quốc hội.
		UBND tỉnh Bắc Kạn	5. Khoản 2 Điều 59 Luật NSNN: Các nhiệm vụ chi được phép sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Ngân sách Nhà nước còn hạn hẹp, chưa phát huy được hết tính chủ động của địa phương trong việc sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của địa phương để thực hiện các nhiệm vụ theo phân cấp, đặc biệt là những nhiệm vụ, chính sách, đề án phát sinh trong thời kỳ ổn định ngân sách nhưng chưa được NSTW bổ sung kinh phí thực hiện. Kiến nghị: Đề nghị bổ sung quy định về việc cho phép sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi để thực hiện các nhiệm vụ chi quan trọng, cấp bách khác tại địa phương.	Tiếp thu: Bộ Tài chính đã tiếp thu, sửa đổi bổ sung nội dung tại khoản 10, khoản 10a Điều 8 và sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 59 Luật NSNN
Phần B về tổng kết thi hành Luật Kế toán	Phần II về Một số tồn tại, hạn chế	Bộ Ngoại giao	Bộ Ngoại giao phát sinh vướng mắc về các tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ về kế toán theo quy định tại Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán. Hiện nay, 93 Cơ quan đại diện (CQDD) do Bộ Ngoại giao quản lý, mỗi CQDD là 1 đơn vị dự toán độc lập, có pháp nhân và con dấu riêng, có nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, mở sổ kế toán, hạch toán và lập báo cáo theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC có hiệu lực đến ngày 31/12/2024 và Thông tư số 24/2024/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/01/2025. Do đặc thù của Bộ Ngoại giao không đủ biên chế để bố trí 93 cán bộ kế toán đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về chuyên	Giải trình: Kiến nghị của Bộ Ngoại giao là về Nghị định số 174/2016/NĐ-CP không phải về Luật Kế toán.

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			môn, nghiệp vụ theo quy định. Do vậy, đề nghị lưu ý khi xây dựng Nghị định hướng dẫn.	
Phần C về tổng kết thi hành Luật Kiểm toán độc lập	Phần II về Một số tồn tại, hạn chế	Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA)	Về thời gian luân chuyển kiểm toán viên ký báo cáo kiểm toán và thời gian không được tham gia cuộc kiểm toán: Đề nghị Ban Soạn thảo cân nhắc không quy định cụ thể các nội dung liên quan đến tính độc lập trong Dự thảo mà giao cho Bộ Tài chính ban hành các quy định trong Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán và các chuẩn mực nghề nghiệp có liên quan để đảm bảo quy định được đầy đủ, chi tiết các tình huống phải xử lý; đồng thời Luật thường khó cập nhật thường xuyên trong khi chuẩn mực nghề nghiệp được cập nhật thường xuyên và tiếp cận nhanh với các chuẩn mực, quy định quốc tế, giúp xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trên thực tiễn. Các doanh nghiệp kiểm toán (VAE, A&C, TVASC, Thủ Đô, An Việt, Chuẩn Việt) đề nghị Ban Soạn thảo xem xét sửa thời gian kiểm toán viên hành nghề ký báo cáo kiểm toán tạm dừng không tham gia cuộc kiểm toán là 3 năm (hoặc ngắn hơn, trong vòng 1 - 2 năm) cho phù hợp với đặc điểm các doanh nghiệp kiểm toán Việt Nam (do 5 năm là quá dài).	Tiếp thu ý kiến của VACPA, dự thảo đã rà soát sửa đổi theo hướng thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kiểm toán và Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Quy định này đảm bảo tính linh hoạt phù hợp với chuẩn mực kiểm toán, thực tế tổ chức thực hiện, các chuẩn mực kiểm toán và đạo đức nghề nghiệp do Bộ Tài chính ban hành sẽ được kịp thời điều chỉnh phù hợp với thực tế hơn so với quy định cứng trong Luật.
		VACPA	Về số lượng kiểm toán viên tối thiểu tại trụ sở chính: Theo VACPA, quy định này sẽ tác động lớn, trực tiếp đến việc thành lập, duy trì điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kiểm toán, đặc biệt là các doanh nghiệp kiểm toán vừa và nhỏ (chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng số các doanh nghiệp kiểm toán) tại Việt Nam. Các doanh nghiệp kiểm toán (PwC, Tri Thức Việt, TVASC) cũng đang có ý kiến khác nhau về quy định này. Vì vậy VACPA đề nghị Bộ Tài chính cần thiết tổ chức họp, nêu rõ cơ sở của việc sửa đổi, đánh giá mức độ ảnh hưởng và lộ	Giải trình: Thực tế hiện nay có trường hợp doanh nghiệp kiểm toán chỉ duy trì số lượng KTV hành nghề là 5 người, bao gồm ở cả trụ sở chính và chi nhánh, dẫn đến số lượng kiểm toán viên hành nghề tại trụ sở chính và ở chi nhánh đều dưới 5 người điều này sẽ khó đảm bảo chất lượng dịch vụ kiểm toán.

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			trình thực hiện quy định này để lấy ý kiến rộng rãi các doanh nghiệp kiểm toán.	Do vậy, dự thảo sửa đổi quy định về việc DNKT phải luôn duy trì tối thiểu năm kiểm toán viên hành nghề tại trụ sở chính, kể cả trường hợp có chi nhánh của DNKT để đảm bảo nguồn lực, chất lượng cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh DNKT nước ngoài tại Việt Nam.
		VACPA	Về xử lý vi phạm pháp luật về kiểm toán độc lập: (1). Về mức phạt tiền: đề nghị Ban Soạn thảo làm rõ cơ sở đề xuất mức phạt và đề nghị Bộ Tài chính cần thiết tổ chức họp, lấy ý kiến các doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán viên để đánh giá sự phù hợp của mức phạt cũng như đánh giá đầy đủ tác động đối với hoạt động của doanh nghiệp kiểm toán cũng như sự tham gia/rời bỏ hoạt động nghề nghiệp của các kiểm toán viên. Về vấn đề này, các doanh nghiệp kiểm toán (VAE, AASCS, Tri Thức Việt, A&C, An Việt, Chuẩn Việt, CAF) có ý kiến cho rằng mức phạt trên là quá cao so với đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp kiểm toán (vốn góp, phí dịch vụ kiểm toán,...). Ngoài ra, các kiểm toán viên không được hành nghề cá nhân mà phải ký hợp đồng lao động, làm việc trong doanh nghiệp kiểm toán, các công việc của kiểm toán viên hành nghề do doanh nghiệp kiểm toán/Ban Lãnh đạo doanh nghiệp kiểm toán phân công nên Dự thảo cần làm rõ các hành vi vi phạm (Điều 59 Luật Kiểm toán độc lập quy định nhiều hành vi vi phạm) dẫn tới cá nhân (kiểm toán viên hành nghề) bị phạt tiền. Đồng thời, mức phạt 1,5 tỷ đồng là mức phạt rất	(1). Về mức phạt tiền: Vấn đề này dự thảo đã nghiên cứu kinh nghiệm của một số lĩnh vực như chứng khoán, thuế và thông lệ quốc tế của các nước (thường quy định mức phạt tiền rất cao). Thời gian qua đã xảy ra một số trường hợp DNKT và KTV hành nghề thực hiện kiểm toán cho một số đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán đã xác nhận, ký và phát hành báo cáo kiểm toán cho các khách hàng này và qua quá trình kiểm tra, điều tra thì hành vi này đều vi phạm nghiêm trọng chuẩn mực kiểm toán và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Tuy nhiên mức xử phạt hiện nay chưa đảm bảo mức răn đe như thông lệ quốc tế hay lĩnh vực chứng khoán (quy định mức xử

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			cao đối với cá nhân kiểm toán viên, theo đó sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến tâm lý, sự gắn bó với nghề nghiệp kiểm toán độc lập. (2). Về thời hiệu xử phạt: Trên cơ sở ý kiến của các doanh nghiệp kiểm toán (AASCS, Tri Thức Việt, A&C, An Việt, Chuẩn Việt) cho rằng thời hiệu xử lý 10 năm là quá dài (trong khi đối với một số lĩnh vực khác, thí dụ như thời hiệu xử phạt vi phạm về thuế là 05 năm từ ngày thực hiện hành vi vi phạm), VACPA đề nghị Ban Soạn thảo làm rõ cơ sở và những hành vi vi phạm pháp luật kiểm toán độc lập có thời hiệu xử lý là 10 năm.	phạt đến 3 tỷ đồng đối với các hành vi của các đơn vị có lợi ích công chúng là đối tượng phải kiểm toán bắt buộc do các DNKT thực hiện). Do vậy, để tương đồng với cùng một hành vi vi phạm của đơn vị có lợi ích công chúng và DNKT thì dự thảo quy định mức phạt tiền tối đa là 3 tỷ đồng đối với tổ chức và cá nhân là 1,5 tỷ đồng. Tuy nhiên không phải tất cả các hành vi đều bị xử lý ở mức tối đa nêu trên mà chỉ các hành vi vi phạm nghiêm trọng chuẩn mực kiểm toán và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp mới bị xử phạt mức tối đa như vậy. (1). Về thời hiệu xử phạt: Tiếp thu ý kiến của VACPA và tham khảo kinh nghiệm của lĩnh vực quản lý thuế, thông lệ quốc tế của các nước (thường quy định không có thời hiệu xử phạt). Do vậy dự thảo đã nghiên cứu và đề xuất thời hiệu tương tự như lĩnh vực thuế là 5 năm.
		VACPA	Về chữ ký trên báo cáo kiểm toán: theo chuẩn mực kiểm toán quốc tế, báo cáo kiểm toán chỉ cần 1 chữ ký và chữ ký đó phải chỉ rõ là của thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán. Ngoài ra, các báo cáo của dịch vụ đảm bảo (ngoài dịch vụ kiểm toán), các chuẩn mực nghề nghiệp	Giải trình: Về chữ ký trên báo cáo kiểm toán, nội dung này Bộ Tài chính không đề xuất sửa đổi ở dự thảo Luật lần này do đánh giá đây không phải là

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			của Việt Nam cũng quy định chỉ cần 1 chữ ký. Do đó, để phù hợp với thông lệ quốc tế, đảm bảo tính đồng bộ và làm rõ trách nhiệm của người ký báo cáo kiểm toán, đề nghị Ban Soạn thảo xem xét sửa đổi Khoản 3 Điều 46 Luật Kiểm toán độc lập về việc báo cáo kiểm toán chỉ cần một chữ ký của kiểm toán viên hành nghề phụ trách cuộc kiểm toán.	vấn đề cấp bách, cần thiết phải sửa đổi ngay theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Do vậy, về vấn đề này dự thảo lần này không đưa vào nội dung sửa đổi.
		VACPA	Về tính pháp lý của báo cáo kiểm toán điện tử: Trên cơ sở ý kiến của doanh nghiệp kiểm toán cũng như các văn bản kiến nghị, đề xuất trước đây của VACPA gửi Bộ Tài chính, VACPA đề xuất Dự thảo bổ sung quy định rõ ràng về tính pháp lý của báo cáo kiểm toán điện tử nhằm ngăn chặn tình trạng báo cáo kiểm toán giả mạo, phù hợp với xu hướng chuyển đổi số hiện nay và phù hợp với sự phát triển của các lĩnh vực khác như báo cáo thuế điện tử đã được triển khai hiệu quả trong thời gian vừa qua, cũng như tạo thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp kiểm toán.	Giải trình: Về tính pháp lý của báo cáo kiểm toán điện tử, nội dung này Bộ Tài chính không đề xuất sửa đổi ở dự thảo Luật lần này do đánh giá đây không phải là vấn đề cấp bách, cần thiết phải sửa đổi ngay theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Do vậy, về vấn đề này dự thảo lần này không đưa vào nội dung sửa đổi.
		VACPA	Về tăng cường vai trò, sự phối hợp của Tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán độc lập: Dự thảo hiện tại chưa quy định kiểm toán viên đăng ký hành nghề phải là hội viên của một tổ chức nghề nghiệp. Thực tế hiện nay tại Việt Nam, các kiểm toán viên đang đăng ký tham gia tổ chức nghề nghiệp theo tinh thần tự nguyện. Trong khi đó, theo thông lệ tại nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới, việc kiểm toán viên muốn đăng ký hành nghề phải là hội viên của một tổ chức nghề nghiệp là điều kiện bắt buộc. Quy định này tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức nghề nghiệp trong việc kiểm tra chất lượng dịch vụ do hội viên cung cấp, giúp kịp thời xử lý các vi phạm và hỗ trợ hội viên khắc phục các tồn tại và nâng cao chất lượng dịch vụ.	Giải trình: Về quy định kiểm toán viên đăng ký hành nghề phải là hội viên của một tổ chức nghề nghiệp, nội dung này Bộ Tài chính không đề xuất sửa đổi ở dự thảo Luật lần này do đánh giá đây không phải là vấn đề cấp bách, cần thiết phải sửa đổi ngay theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Do vậy, về vấn đề này dự thảo lần này không đưa vào nội dung sửa đổi.

ĐIỀU	KHOẢN, ĐIỂM	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Đề nghị Ban Soạn thảo bổ sung quy định “Kiểm toán viên đăng ký hành nghề kiểm toán phải là hội viên của một tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán”. Quy định này đã được áp dụng tại nhiều quốc gia và mang lại hiệu quả trong việc phối hợp giữa tổ chức nghề nghiệp với cơ quan quản lý Nhà nước, góp phần nâng cao chất lượng kiểm toán và đảm bảo sự phát triển bền vững nghề nghiệp kiểm toán.	

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: /2024/QH15

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Dự thảo đề cương
chi tiết Luật kèm
hồ sơ lập đề nghị
xây dựng Luật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CHỨNG KHOÁN; LUẬT KẾ TOÁN; LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP; LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC; LUẬT QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG; LUẬT QUẢN LÝ THUẾ; LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14; Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 đã được bãi bỏ một số điều theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13; Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14; Luật Dự trữ quốc gia số 22/2012/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán

1. Bổ sung Điều 9a vào sau Điều 9 (về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo) như sau:

Bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ hoặc tham gia vào quá trình lập hồ sơ, tài liệu báo cáo phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu báo cáo; cụ thể quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức tiếp nhận hồ sơ, tổ chức tư vấn hồ sơ, tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên được chấp thuận, doanh nghiệp thẩm định giá, thẩm định viên về giá, tổ chức bảo lãnh phát hành, các tổ chức, cá nhân ký xác nhận,.. liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 (về nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp) như sau:

Đối với công ty có vốn điều lệ đã góp trên 100 tỷ đồng thì phải có thời gian hoạt động tối thiểu 02 năm.

Đối với cá nhân, bổ sung quy định (i) phải tham gia đầu tư chứng khoán trong thời gian tối thiểu 02 năm, có tần suất giao dịch tối thiểu 10 lần mỗi quý trong 04 quý gần nhất; (ii) có thu nhập tối thiểu 01 tỷ đồng/ năm trong 02 năm gần nhất.

Bổ sung thêm quy định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp gồm nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Bổ sung thêm quy định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ là tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và bổ sung khoản 6a vào sau khoản 6 Điều 12 (các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán) như sau:

Luật hóa quy định về hành vi thao túng thị trường chứng khoán từ Nghị định số 156/2020/NĐ-CP bao gồm cụ thể các hành vi như mua hoặc bán chứng khoán với khối lượng chi phối vào thời điểm mở cửa hoặc đóng cửa thị trường nhằm tạo ra mức giá đóng cửa hoặc giá mở cửa mới cho loại chứng khoán đó trên thị trường; đặt lệnh mua và bán cùng loại chứng khoán trong cùng ngày giao dịch hoặc thông đồng với nhau giao dịch mua, bán chứng khoán mà không dẫn đến chuyển nhượng thực sự...

Bổ sung hành vi bị nghiêm cấm liên quan đến giao dịch của người nội bộ công ty đại chúng, quỹ đại chúng và người có liên quan trong việc không công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đại chúng.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 15 (chào bán chứng khoán ra công chúng) như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 (chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của công ty đại chúng) như sau:

Bổ sung ngoại trừ chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu thì không phải đạt tỷ lệ tối thiểu 70% số cổ phiếu được chào bán trong trường hợp chào bán ra công chúng nhằm mục đích huy động phần vốn để thực hiện dự án của tổ chức phát hành.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 (chào bán trái phiếu ra công chúng) như sau:

Bổ sung điều kiện chào bán trái phiếu ra công chúng phải có tài sản đảm bảo hoặc được bảo lãnh ngân hàng theo quy định của pháp luật, ngoại trừ trường hợp tổ chức tín dụng chào bán trái phiếu là nợ thứ cấp thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 và có đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định của Chính phủ.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 28 (Hủy bỏ chào bán chứng khoán ra công chúng) như sau:

Bổ sung quy định về một số trường hợp hủy bỏ đợt chào bán như phát hiện đợt chào bán trái phiếu, chứng quyền có bảo đảm ra công chúng vi phạm quy định, và ngoại trừ đối với cổ phiếu đã đưa vào niêm yết, đăng ký giao dịch thì không bị hủy bỏ,...

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 (chào bán chứng khoán riêng lẻ của công ty đại chúng) như sau:

Bổ sung rõ Đại hội đồng cổ đông phải quyết định về số lượng cổ phiếu, giá chào bán hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán; tăng thời gian hạn chế chuyển nhượng từ 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp lên thành 03 năm tương ứng với nhà đầu tư chiến lược (khoản 1 Điều 31); đối với điều kiện chào bán trái phiếu riêng lẻ, quy định đối tượng tham gia đợt chào bán chỉ bao gồm nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức, việc chuyển nhượng trái phiếu chào bán riêng lẻ chỉ được thực hiện giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức (điểm b, c khoản 2 Điều 31).

7. Bổ sung Điều 31a sau Điều 31 quy định về đình chỉ, hủy bỏ đợt chào bán chứng khoán riêng lẻ tương ứng với chào bán chứng khoán ra công chúng.

8. Sửa đổi khoản 1 Điều 32 (điều kiện đăng ký công ty đại chúng) như sau:

Sửa đổi quy định về công ty đại chúng phải không chỉ có vốn điều lệ đã góp mà phải có vốn chủ sở hữu từ 30 tỷ đồng trở lên.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 (hồ sơ đăng ký công ty đại chúng) như sau:

Bổ sung tài liệu đăng ký công ty đại chúng phải có xác nhận của tổ chức kiểm toán về việc góp vốn điều lệ, tăng vốn và sử dụng vốn đến thời điểm đăng ký công ty đại chúng, xác nhận của cơ quan đăng ký kinh doanh nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho công ty đại chúng; giao Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ đăng ký công ty đại chúng, trình tự, thủ tục xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 37 theo hướng bổ sung quy định ngoại trừ mua lại cổ phiếu bắt buộc đối với trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động nghỉ việc theo chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 5 Điều 38 quy định về hủy tư cách công ty đại chúng theo hướng giao Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ, quy định về hủy tư cách công ty đại chúng đối với một số trường hợp phát sinh trong thực tiễn thi hành.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 39 (quy định về hồ sơ hủy tư cách công ty đại chúng) như sau:

Chỉnh sửa lại một số tài liệu trong hồ sơ hủy tư cách công ty đại chúng để đảm bảo khả thi trong thực tiễn (như Danh sách cổ đông đối với công ty chưa đăng ký, lưu ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, ...).

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 52 (về Thành lập và hoạt động của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam) theo hướng thành lập công ty con

của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc tổ chức, phân công thực hiện một số quyền, nghĩa vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con theo quy định của Luật này trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

14. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 56 (về Thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam) như sau:

Chỉnh sửa theo hướng làm rõ ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được làm thành viên bù trừ cả trên thị trường phái sinh và thị trường chứng khoán cơ sở.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 63 (về Bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán) theo hướng hoạt động bù trừ, xác định nghĩa vụ thanh toán tiền và chứng khoán được thực hiện thông qua Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc công ty con của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 110 (về hạn chế đối với quỹ đại chúng) như sau:

Mở rộng hạn chế đầu tư của quỹ lên 15% đối với đầu tư vào chứng khoán của 01 tổ chức phát hành; và 35% vào các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau.

17. Bãi bỏ Điều 23 (về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng), khoản 3 Điều 48 (về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán).

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán

1. Sửa đổi, bổ sung các khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 2 (về đối tượng áp dụng Luật) như sau:

“2. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

3. Tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức, cơ quan, đơn vị khác là đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; đơn vị hoạt động theo pháp luật về hội; tổ chức nghề nghiệp; quỹ xã hội, quỹ từ thiện; đơn vị có các hoạt động huy động, đóng góp nguồn lực xã hội không vì mục đích lợi nhuận.

4. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.”

2. Sửa đổi tên Điều 7 và sửa đổi khoản 1, khoản 3 Điều 7 (về chuẩn mực kế toán và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán) như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 7 thành: “**Điều 7. Chuẩn mực về kế toán và Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán**”.

b) Sửa đổi khoản 1 và khoản 3 như sau:

“1. Chuẩn mực về kế toán là Chuẩn mực để lập và trình bày báo cáo tài chính, gồm:

a) Chuẩn mực về kế toán của Việt Nam;

b) Chuẩn mực quốc tế về kế toán do Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành.

3. Bộ Tài chính quy định Chuẩn mực về kế toán của Việt Nam, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán Việt Nam trên cơ sở Chuẩn mực quốc tế về kế toán phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam; Hướng dẫn đối tượng, phạm vi, lộ trình, thể thức và các nội dung khác liên quan đến việc áp dụng chuẩn mực quốc tế về kế toán tại Việt Nam.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 (về chữ viết và chữ số sử dụng trong kế toán) như sau:

“1. Chữ viết sử dụng trong kế toán là tiếng Việt. Tài liệu kế toán bằng tiếng nước ngoài phải dịch ra tiếng Việt khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu. Các loại tài liệu kế toán giống nhau về nội dung, biểu mẫu thì chỉ phải dịch một lần.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 12 (về kỳ kế toán) như sau:

“4. Trường hợp kỳ kế toán năm đầu tiên hoặc kỳ kế toán năm cuối cùng có thời gian không quá 3 tháng thì được phép cộng với kỳ kế toán năm tiếp theo hoặc cộng với kỳ kế toán năm trước đó để tính thành một kỳ kế toán năm; kỳ kế toán năm đầu tiên hoặc kỳ kế toán năm cuối cùng phải không quá 15 tháng.”.

5. Bãi bỏ điểm d khoản 1 Điều 16 (về nội dung chứng từ kế toán) như sau:

~~“d) Tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc cá nhân nhận chứng từ kế toán;”.~~

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 (về ký chứng từ kế toán) như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 19 như sau: “**Điều 19. Ký và xác nhận chứng từ kế toán**”.

b) Sửa đổi khoản 4 Điều 19 như sau:

“4. Chứng từ điện tử phải có chữ ký điện tử hoặc hình thức xác nhận khác bằng phương tiện điện tử theo quy định của pháp luật giao dịch điện tử.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 24 (về sổ kế toán) như sau:

“2. Sổ kế toán phải ghi rõ tên đơn vị kế toán; tên sổ; ngày, tháng, năm lập sổ; ngày, tháng, năm khóa sổ; chữ ký của người lập sổ, kế toán trưởng, người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán; số trang; đóng dấu giáp lai.”.

8. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2, bổ sung điểm đ, e khoản 2, sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 29 (về báo cáo tài chính) như sau:

a) Sửa đổi điểm d khoản 2 như sau:

“2. Việc lập báo cáo tài chính của đơn vị kế toán được thực hiện như sau:

d) Báo cáo tài chính phải có chữ ký của người lập, kế toán trưởng, người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán. Người ký báo cáo tài chính phải chịu trách nhiệm về nội dung của báo cáo.”.

b) Bổ sung điểm đ, e khoản 2 như sau:

“đ) Đối với các đơn vị kế toán thuộc lĩnh vực kinh doanh, ngoại trừ các đơn vị kế toán có quy mô vừa, nhỏ, siêu nhỏ theo quy định của pháp luật: Chuẩn mực về kế toán và Chế độ kế toán mà đơn vị áp dụng là căn cứ để lập và trình bày Báo cáo tài chính của đơn vị. Các loại báo cáo lập theo các quy định khác với Chuẩn mực về kế toán và Chế độ kế toán không được coi là báo cáo tài chính theo quy định của Luật này.

e) Đơn vị kế toán có quy mô vừa, nhỏ, siêu nhỏ theo quy định của pháp luật lập và trình bày báo cáo tài chính theo Chế độ kế toán đơn giản.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Báo cáo tài chính năm của đơn vị kế toán phải được nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo quy định của pháp luật. Riêng Báo cáo tài chính hợp nhất của đơn vị kế toán thuộc khoản 2 Điều 2 Luật này phải được nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo quy định của pháp luật.”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 41 (về Bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán) như sau:

“4. Người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán chịu trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán.”.

10. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 50 (về Trách nhiệm của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán) như sau: **“Điều 50. Trách nhiệm của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán”.**

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 51 (về Tiêu chuẩn, quyền và trách nhiệm của người làm kế toán) như sau:

“2. Người làm kế toán có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán; Có quyền bảo lưu ý kiến của mình bằng văn bản hoặc các hình thức khác có thể kiểm chứng được. Trường hợp người làm kế toán có ý kiến khác với cấp trên và đã bảo lưu ý kiến của mình thì không phải chịu trách nhiệm về các sai phạm khi chấp hành ý kiến chỉ đạo của cấp trên.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 53 (về Kế toán trưởng) như sau:

“2. Kế toán trưởng của đơn vị kế toán thuộc khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2 Luật này và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ ngoài nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này còn có nhiệm vụ giúp người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu đơn vị giám sát tài chính tại đơn vị kế toán.

3. Kế toán trưởng chịu sự lãnh đạo của người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán; trường hợp có đơn vị kế toán cấp trên thì đồng thời chịu sự chỉ đạo và kiểm tra của kế toán trưởng của đơn vị kế toán cấp trên về chuyên môn, nghiệp vụ.”.

13. Sửa đổi, bổ sung điểm a, d khoản 3 Điều 55 (về Trách nhiệm và quyền của kế toán trưởng) như sau:

“3. Kế toán trưởng của đơn vị kế toán thuộc khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2 Luật này và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, ngoài các quyền quy định tại khoản 2 Điều này còn có các quyền sau đây:

a) Có ý kiến bằng văn bản với người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán về việc tuyển dụng, chuyển chuyên, tăng lương, khen thưởng, kỷ luật người làm kế toán, thủ kho, thủ quỹ;

d) Báo cáo bằng văn bản cho người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán trong đơn vị; trường hợp vẫn phải chấp hành quyết định thì báo cáo lên cấp trên trực tiếp của người đã ra quyết định hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền và không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành quyết định đó.”.

14. Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 2, khoản 3, khoản 4, bổ sung khoản 5 Điều 71 (về quản lý Nhà nước về kế toán) như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 2 Điều 71 như sau:

“2. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về kế toán, có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng, trình Chính phủ quyết định chiến lược, chính sách phát triển kế toán; ban hành văn bản quy phạm pháp luật về kế toán;

b) Ban hành theo thẩm quyền Chuẩn mực về kế toán của Việt Nam, Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp về kế toán, Chế độ kế toán và các văn bản quy phạm pháp luật khác về kế toán;”.

b) Sửa đổi khoản 3, khoản 4 Điều 71 như sau:

“3. Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về kế toán trong ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách:

a) Tổ chức thực hiện công tác kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán cho các đơn vị kế toán thuộc phạm vi quản lý;

b) Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật kế toán đối với các đơn vị kế toán thuộc phạm vi quản lý.

4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngoài các quy định tại khoản 3 Điều này, chịu trách nhiệm ban hành chế độ kế toán hoặc các văn bản quy phạm pháp luật về kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc phạm vi quản lý, đảm bảo tuân thủ chuẩn mực về kế toán quy định trong Luật này.”.

c) Bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước về kế toán thuộc phạm vi quản lý tại địa phương:

a) Chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác kế toán cho các đơn vị kế toán thuộc phạm vi quản lý tại địa phương theo quy định của pháp luật về kế toán;

b) Tổ chức thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật kế toán và xử lý vi phạm pháp luật về kế toán đối với các đơn vị kế toán thuộc phạm vi quản lý tại địa phương theo quy định của pháp luật;

c) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực kế toán thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiểm toán độc lập

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d, điểm đ, điểm i khoản 2 Điều 11

Sửa đổi, bổ sung điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 11 để đồng bộ quy định sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 60.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 5, bãi bỏ khoản 4 Điều 16

Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 5, bãi bỏ khoản 4 Điều 16 theo hướng quy định chặt chẽ, rõ ràng hơn các đối tượng không được hành nghề kiểm toán.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 18

Sửa đổi, bổ sung trách nhiệm của kiểm toán viên tại khoản 3 Điều 18 theo hướng thay đổi thời gian ký báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên cho một khách hàng cho phù hợp với chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán. Quy định này để giúp kiểm toán viên tuân thủ tốt hơn chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, đảm bảo tính độc lập khi thực hiện công tác kiểm toán.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 29

Sửa đổi trách nhiệm của doanh nghiệp kiểm toán tại khoản 1 và khoản 2 Điều 29 theo hướng:

(1) Yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán phải có tối thiểu 5 kiểm toán viên hành nghề tại trụ sở chính, dù có chi nhánh hay không;

(2) Thay đổi thời gian ký báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên cho một khách hàng cho phù hợp với chuẩn mực đạo đức kế toán, kiểm toán. Quy định này là để các doanh nghiệp kiểm toán duy trì tốt hơn hệ thống kiểm soát nội bộ, tăng sự ổn định của thị trường, đảm bảo duy trì tính độc lập với đơn vị được kiểm toán.

5. Bổ sung khoản 5 và khoản 6 vào sau khoản 4 Điều 37

Bổ sung theo hướng tăng thêm đối tượng cần phải được kiểm toán hàng năm, do các đối tượng phải được kiểm toán theo Điều 37 của Luật Kiểm toán độc lập hiện hành chưa bao trùm hết các doanh nghiệp, tổ chức có quy mô lớn, có các giao dịch phức tạp, có số lượng lao động lớn, doanh thu hoạt động cao, ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế. Đồng thời, để đảm bảo tính đầy đủ, dự thảo Luật bổ sung thêm quy định về đối tượng khác phải được kiểm toán là các doanh nghiệp, tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 39

Sửa đổi, bổ sung trách nhiệm của đơn vị được kiểm toán tại khoản 8 Điều 39 theo hướng đồng bộ với các quy định ở cả khoản 3 Điều 18 và khoản 8 Điều 39 của dự thảo Luật sửa đổi để xác định rõ trách nhiệm của cả doanh nghiệp kiểm toán và đơn vị được kiểm toán, nếu vi phạm thì sẽ có chế tài xử phạt cả doanh nghiệp kiểm toán và đơn vị được kiểm toán.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 53

Sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định doanh nghiệp, tổ chức có quy mô lớn là đơn vị có lợi ích công chúng để đảm bảo tính thống nhất với Điều 37 sửa đổi.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 54

Sửa đổi, bổ sung theo hướng giao Chính phủ thay vì Bộ Tài chính quy định tiêu chuẩn, điều kiện được kiểm toán báo cáo tài chính của các đơn vị có lợi ích công chúng để phù hợp, đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, dự kiến Chính phủ sẽ quy định điều kiện chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán phải có ít nhất 05 kiểm toán viên hành nghề khi kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng (điều kiện khắt khe hơn so với điều kiện chung là chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán phải có ít nhất 02 kiểm toán viên hành nghề khi kiểm toán một đơn vị thông thường quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 Luật Kiểm toán độc lập).

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 60

Sửa đổi, bổ sung theo hướng tăng thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực kiểm toán độc lập lên thành 5 năm và tăng thêm mức xử phạt để răn đe hơn, hạn chế các vi phạm có thể phát sinh, do một số vi phạm gần đây của kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán đã gây ra các tác động lớn, ảnh hưởng lớn tới các nhà đầu tư, các bên cho vay nói riêng và lợi ích công chúng nói chung, làm giảm uy tín của ngành kiểm toán.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

1. Dự kiến bổ sung điểm d khoản 9 Điều 9 và sửa đổi, bổ sung các Điều 36 và Điều 38 và 59 liên quan đến quy định cho phép địa phương sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương để thực hiện đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng của ngân sách cấp trên trực tiếp trên địa bàn; hỗ trợ địa phương khác để thực hiện đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng có tính chất Vùng và liên Vùng; bổ sung quy định nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương về chi viện trợ.

2. Dự kiến bổ sung một khoản tại Điều 8 và sửa đổi Điều 59 liên quan đến quy định chi ngân sách nhà nước từ nguồn chi đầu tư công, chi thường xuyên cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng; chi phí chuẩn bị, phê duyệt dự án đầu tư công sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án; chi phí lập, thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, tổ chức quy hoạch, thẩm định, công bố, rà soát, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch; mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định của Chính phủ.

3. Dự kiến bổ sung thêm 1 điểm vào khoản 5 Điều 19, bổ sung thêm 1 điểm vào khoản 2 Điều 30, sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 8 và sửa đổi, bổ sung một điểm tại khoản 1 Điều 36 và Điều 38 liên quan đến quy định làm rõ phạm vi chi đầu tư phát triển, gồm có chi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và các khoản chi đầu tư phát triển khác.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 26 (về thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công).

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 39 (về Bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công tại cơ quan nhà nước).

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, bổ sung khoản 7a sau khoản 7 Điều 40 (về hình thức xử lý tài sản công tại cơ quan nhà nước).

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 41 (về thu hồi tài sản công tại cơ quan nhà nước).

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 45 (về thanh lý tài sản công tại cơ quan nhà nước).

6. Bổ sung Điều 47a vào sau Điều 47 (về Chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý).

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 56 (về sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh).

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 57 (Về sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích cho thuê).

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 58 (về sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết).

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 61 (về khấu hao và hao mòn tài sản cố định tại đơn vị sự nghiệp công lập).

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 78 (về hồ sơ, thống kê, kế toán, kiểm kê, đánh giá lại, báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng).

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 80 (về phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng).

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 81 (về đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng trực tiếp tổ chức khai thác tài sản).

14. Bổ sung khoản 6a vào sau khoản 6 Điều 87 (về hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng).

15. Bổ sung Điều 93a vào sau Điều 93 (về Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng về địa phương quản lý, xử lý).

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 6, bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 Điều 109 (về hình thức xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân).

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 110 (về trình tự, thủ tục xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân).

18. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 113 (về quản lý, sử dụng, khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai).

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 120 (về quản lý, sử dụng, khai thác nguồn lực tài chính từ tài nguyên).

20. Thay thế, bổ sung, bãi bỏ một số cụm từ của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung quy định trách nhiệm của công chức quản lý thuế để thực hiện đầy đủ chức trách nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật để phục vụ tốt nhất cho việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung nội dung đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số, quy định về hóa đơn điện tử, sử dụng cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử để tổ chức các biện pháp quản lý việc thực hiện nghĩa vụ về hóa đơn, chứng từ. Cụ thể hóa nội dung căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, Nhà nước bảo đảm các nguồn lực tài chính để thực hiện nội dung quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Quản lý thuế; trong đó nguồn lực bố trí từ Ngân sách Nhà nước để thực hiện các nội dung hiện đại hóa (hệ thống công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hóa đơn điện tử, cơ sở vật chất, các nhiệm vụ chuyên môn phục vụ công tác quản lý thuế) không quá 01% trên dự toán thu Ngân sách Nhà nước được Quốc hội giao hằng năm. Chính phủ quy định chi tiết khoản này.

Việc quy định nội dung nguồn lực NSNN cho hiện đại hóa công tác quản lý thuế và cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử nhằm thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; các giải pháp trọng tâm tại Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 của Chính phủ trong đó quyết

liệt triển khai chuyển đổi số, quy định về hóa đơn điện tử, nhất là đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong thu, chi ngân sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thu, chi ngân sách nhà nước; bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời. Đây là quy định để bảo đảm nguồn lực cho thực hiện hiện đại hóa ngành Thuế, ngành Hải quan để phục vụ tốt nhất cho việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ để thực hiện nhiệm vụ, nguồn thu NSNN hằng năm được Quốc hội giao.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 15

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung quy định trách nhiệm của một số Bộ ngành liên quan (Bộ Công Thương, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giao thông Vận tải, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành liên quan) có trách nhiệm phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin, kết nối để chia sẻ dữ liệu liên quan đến các đối tượng kinh doanh trong lĩnh vực thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số để phục vụ công tác quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 16

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung quy định đối với quyền của người nộp thuế được bồi thường thiệt hại do cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế gây ra theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

5. Sửa đổi khoản 4 Điều 42

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Sửa đổi quy định liên quan nhà cung cấp ở nước ngoài khi thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác không phân biệt có hay không có cơ sở thường trú tại Việt Nam đều phải kê khai, nộp thuế qua Cổng Thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Bổ sung quy định nguyên tắc một số tổ chức như nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến (bao gồm cả sàn trong nước và nước ngoài), tổ chức có liên quan khai thuế thay, nộp thuế thay cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có phát sinh hoạt động kinh doanh thương mại điện tử và việc trực tiếp khai thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có phát sinh hoạt động kinh doanh thương mại điện tử để cải cách thủ tục hành chính, tập trung đầu mối kê khai, đáp ứng việc kê khai, nộp thuế phù hợp với đặc thù của hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, đồng thời mở rộng nguồn thu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 59

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Sửa đổi, bổ sung quy định mốc thời gian tính tiền chậm nộp thuế kể từ ngày tiếp theo ngày cuối cùng của thời hạn nộp thuế, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo hoặc quyết định ấn định thuế hoặc quyết định xử lý của cơ

quan quản lý thuế đảm bảo thống nhất quy tắc về thời gian tính tiền chậm nộp tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 66

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Đưa đối tượng cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại khoản 7 Điều 124 Luật Quản lý thuế vào khoản 1 Điều 66 Luật Quản lý thuế cho thống nhất, đồng thời bổ sung thêm đối tượng bị tạm hoãn xuất cảnh gồm: cá nhân là đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cá nhân là chủ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

8. Bãi bỏ khoản 3 Điều 75

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bãi bỏ Khoản 3 Điều 75 Luật Quản lý thuế (các yêu cầu bồi thường của người nộp thuế liên quan đến tiền lãi phải trả của cơ quan thuế thực hiện theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017).

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 76

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung quy định thẩm quyền quyết định hoàn thuế của Cục trưởng Cục Thuế doanh nghiệp lớn, Chi cục trưởng Chi cục Thuế và Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực nhằm gắn trách nhiệm của cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế thì cơ quan thuế đó giải quyết việc hoàn thuế.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 90

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung nguyên tắc đối với hóa đơn điện tử của tổ chức, cá nhân khi thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác thực hiện theo quy định của Chính phủ để đảm bảo công bằng và đồng bộ với pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 98 (bổ sung điểm e vào khoản 2; bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4)

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung quy định trách nhiệm cung cấp thông tin đối với cơ quan quản lý căn cước phục vụ cho việc sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế. Luật hoá quy định về trách nhiệm cung cấp thông tin của các tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử và tổ chức cung cấp dịch vụ logistic hỗ trợ cho hoạt động thương mại điện tử góp phần nâng cao hiệu quả quản lý thuế, chống thất thu thuế đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử.

12. Bãi bỏ khoản 7 Điều 124

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bãi bỏ quy định khoản 7 Điều 124 Luật Quản lý thuế để thống nhất đối

tượng quy định tại Luật Quản lý thuế trong trường hợp xuất cảnh nhằm nâng cao hiệu quả thu nợ thuế.

13. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 3 Điều 125 và bổ sung điểm d vào khoản 3 Điều 125

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Sửa đổi, bổ sung quy định cơ quan thuế chỉ áp dụng biện pháp (kê biên tài sản và biện pháp Thu bên thứ 3) khi đã có đầy đủ thông tin, điều kiện để thực hiện cưỡng chế không bắt buộc phải thực hiện tất cả các đối tượng, giúp cơ quan thuế tập trung nguồn lực vào các đối tượng trọng tâm trọng điểm có khả năng thu hồi nợ nhằm tăng cường hiệu quả công tác cưỡng chế nợ thuế. Bỏ các quy định mang tính định tính như “một số biện pháp”, “không hiệu quả” vì cơ quan thuế khó xác định và thực hiện. Bổ sung nguyên tắc đối với người nộp thuế có hành vi phát tán tài sản hoặc bỏ trốn thì có thể lựa chọn áp dụng ngay biện pháp cưỡng chế phù hợp trong 7 biện pháp cưỡng chế để kịp thời thu tiền thuế nợ vào ngân sách nhà nước.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dự trữ quốc gia

1. Bãi bỏ tiết b khoản 2 Điều 12.
2. Bãi bỏ điểm d khoản 1 Điều 13.
3. Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 2 Điều 13.
4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 1, khoản 2 Điều 35.
 - a) Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 1.
 - b) Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 2.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024.
2. Đối với quy định tại Điều 4 Luật này áp dụng từ năm ngân sách 2025.

Điều 9. Quy định chuyển tiếp và quy định chi tiết

1. Quy định chuyển tiếp các quy định sửa đổi, bổ sung của Luật Chứng khoán như bổ sung quy định chuyển tiếp đối với trái phiếu đã phát hành riêng lẻ trước khi Luật này có hiệu lực,...

a) Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành riêng lẻ trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành và còn dư nợ đến thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đến khi trái phiếu đáo hạn.

b) Đối với các đợt chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ khi Luật này có hiệu lực thi hành đã gửi nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán cho Sở giao dịch chứng khoán mà chưa hoàn thành việc phân phối trái phiếu thì tiếp tục phân phối trái phiếu theo điều kiện chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.

c) Trường hợp tổ chức đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng đã nộp hồ sơ đăng ký chào bán đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán thì phải thực hiện theo quy định của Luật này.

2. Quy định chuyển tiếp các quy định sửa đổi, bổ sung Luật Kiểm toán độc lập

Các quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 7, khoản 8 Điều 3 Luật này quy định cho các vấn đề: (1) tăng số lượng kiểm toán viên hành nghề tại chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán từ 2 lên thành 5 trong trường hợp chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán có kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng và duy trì số lượng kiểm toán viên hành nghề tại trụ sở chính tối thiểu là 5, bất kể có chi nhánh hay không; (2) bổ sung thêm đơn vị phải được kiểm toán bắt buộc. Để thực hiện các quy định này, các doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề và đơn vị được kiểm toán cần có thời gian chuẩn bị. Do đó, quy định chuyển tiếp theo hướng như sau:

“Trong thời hạn mười hai tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực, các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải thực hiện quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 7, khoản 8 Điều 3 Luật này phải hoàn thành các công việc cần thiết để thực hiện theo quy định của Luật này.”

3. Chính phủ quy định chi tiết các nội dung được giao tại Luật.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ tám thông qua ngày tháng năm 2024.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn